

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2

Ngày 31/03/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.0%	1.2%	12.7%

DT thuần Q1/25
300
tỷ VNĐ
QoQ: ▼144 -32.5%
YoY: ▲ 62.0 26.0%

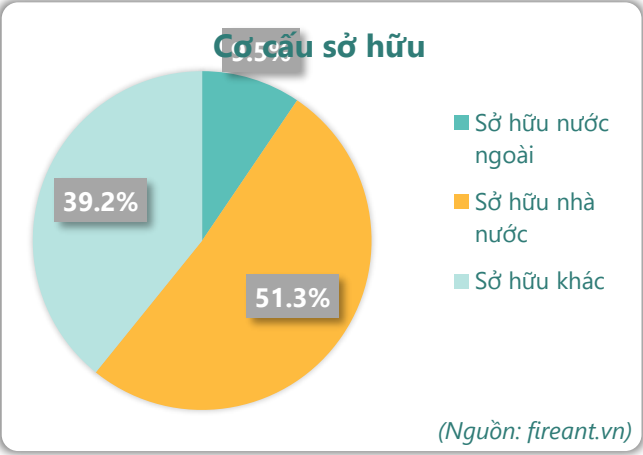
LN thuần Q1/25
18.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70 -12.8%
YoY: ▲ 4.60 33.7%

LN sau thuế Q1/25
14.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.40 -27.1%
YoY: ▲ 3.10 27.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
6.5%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM) Q1/25
5.1%
YoY: +/-▲ 0.2%

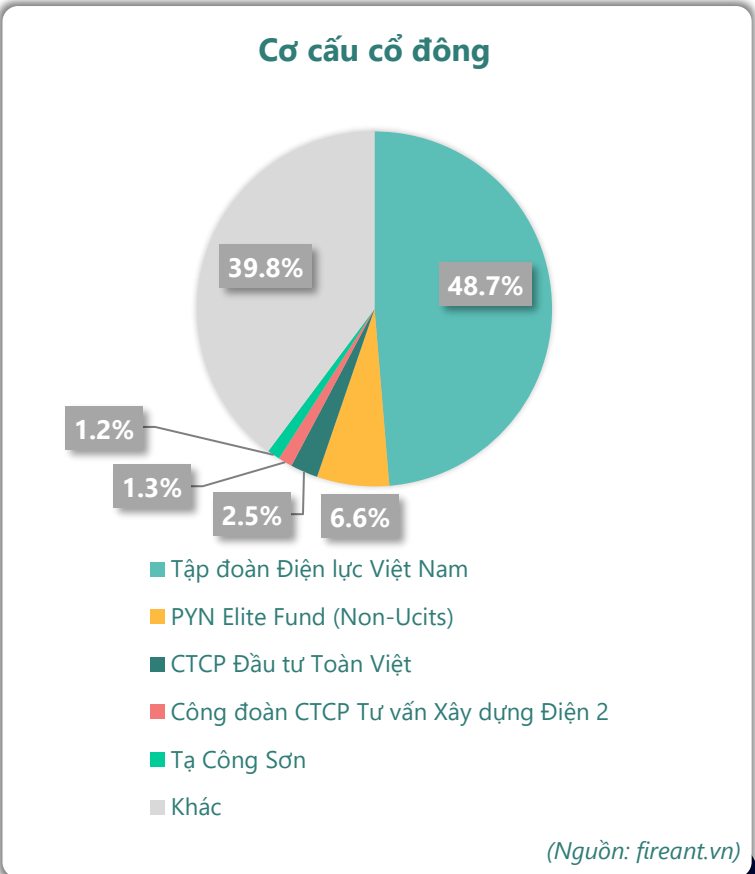
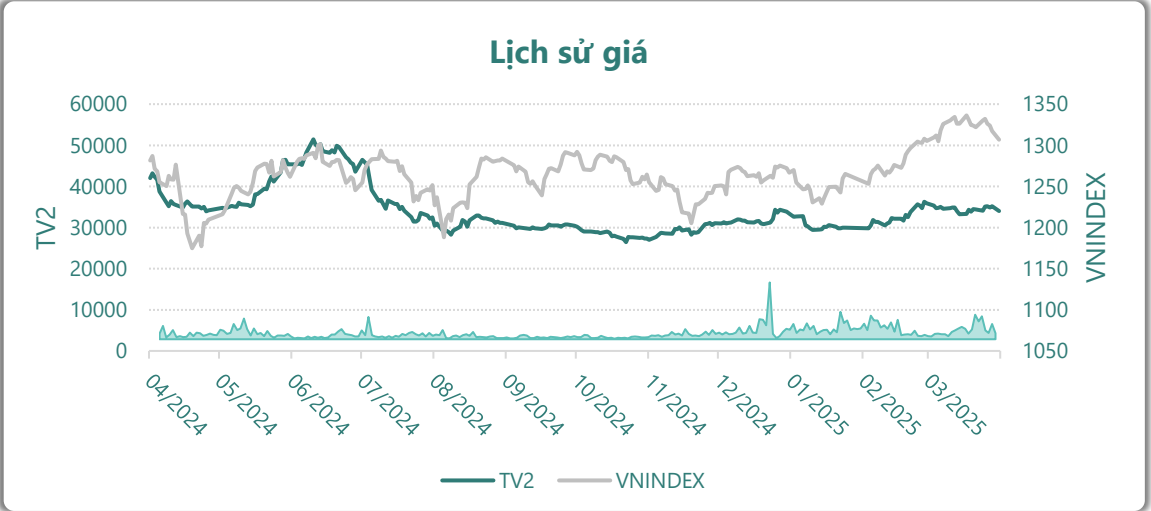
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	26,446 - 51,438
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,296
Số lượng CPLH (CP)	67,526,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	451,230
Sở hữu nước ngoài	9.5%
Beta	
EPS	1,005
P/E	33.8



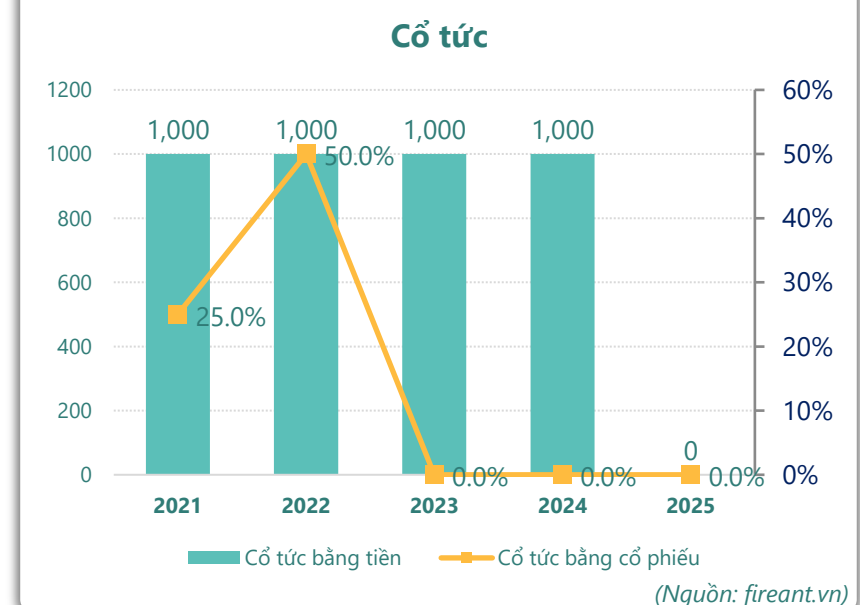
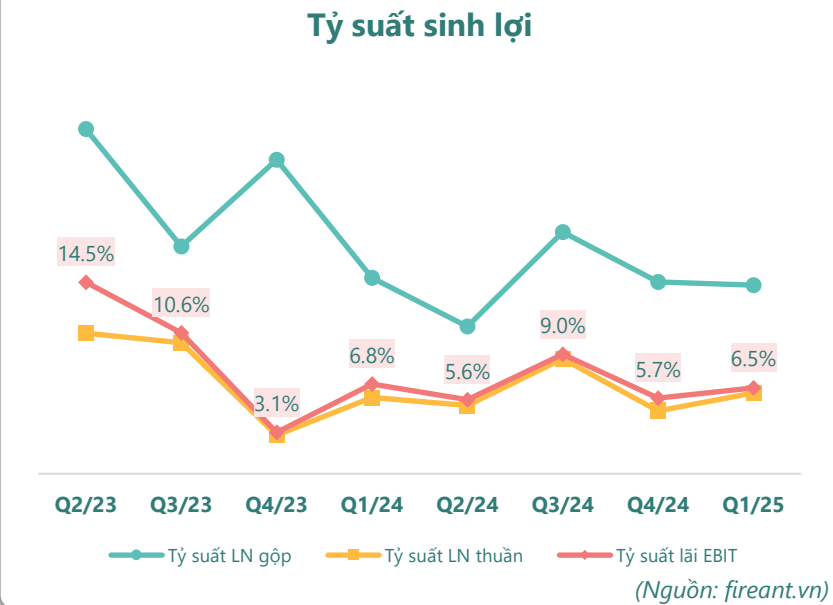
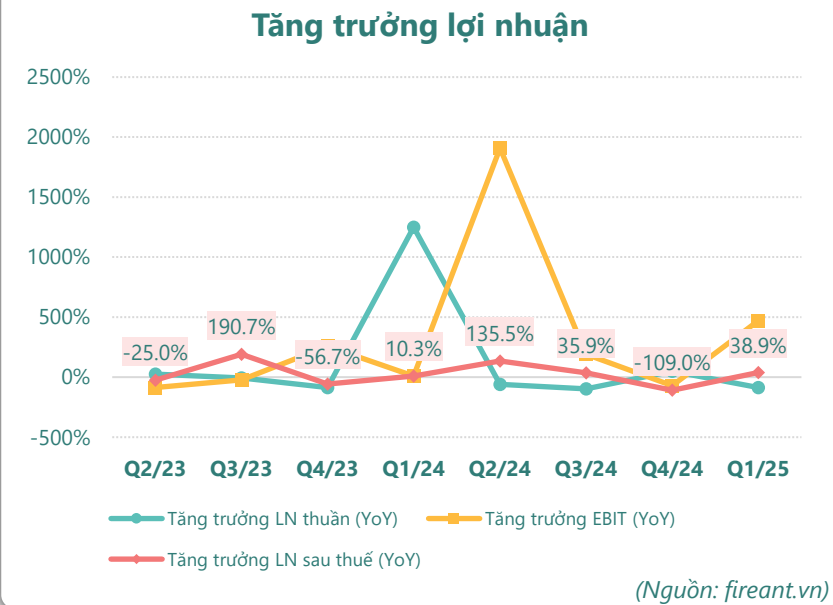
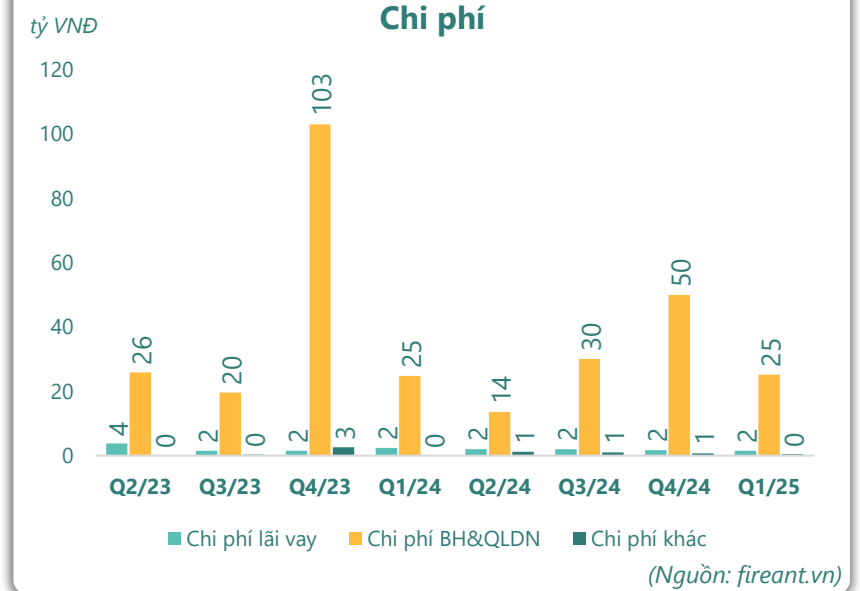
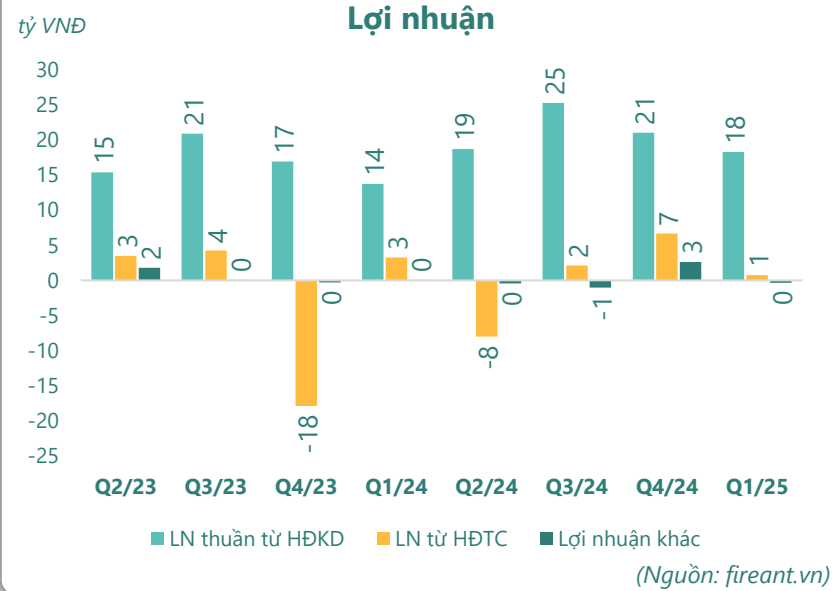
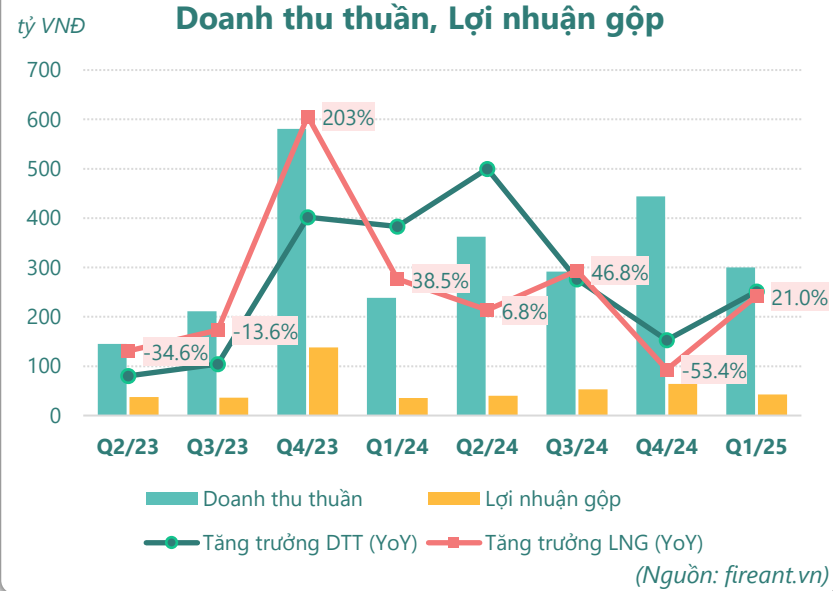
DT thuần 2024
1,336
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 275 25.9%

LN thuần 2024
78.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.1 22.0%

LN sau thuế 2024
64.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.6 21.7%



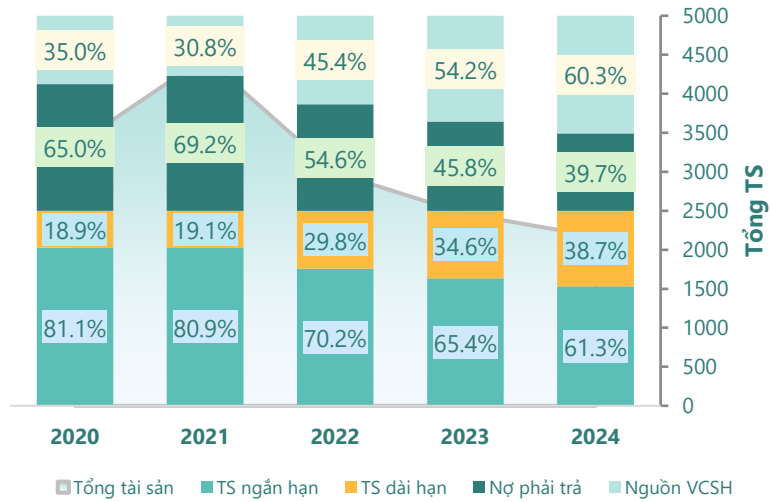
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

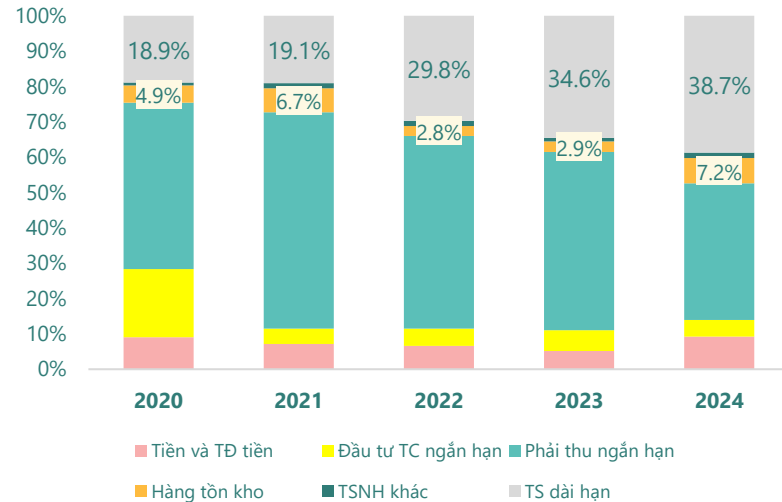
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

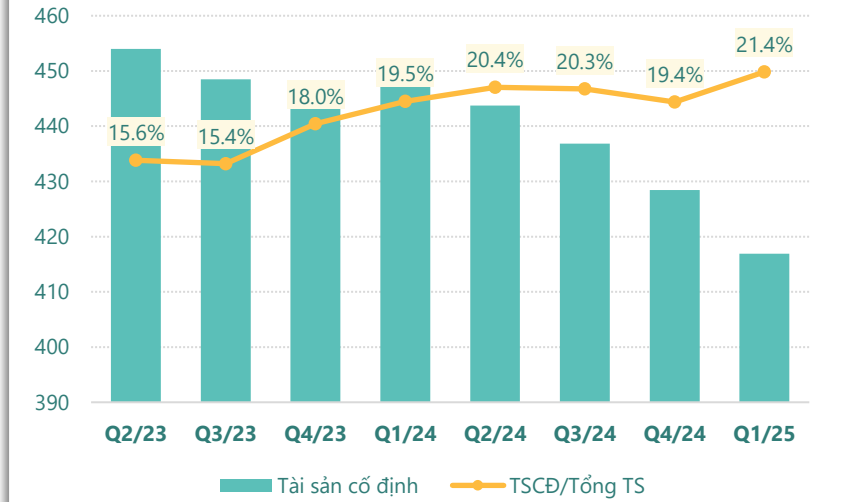
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

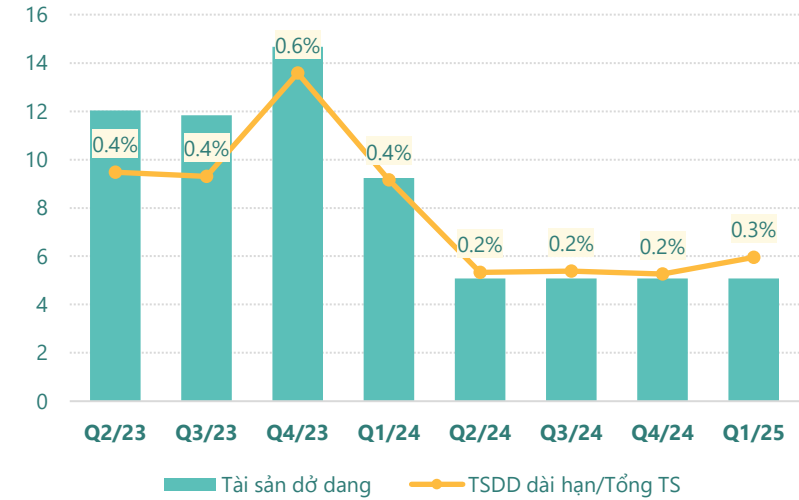
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

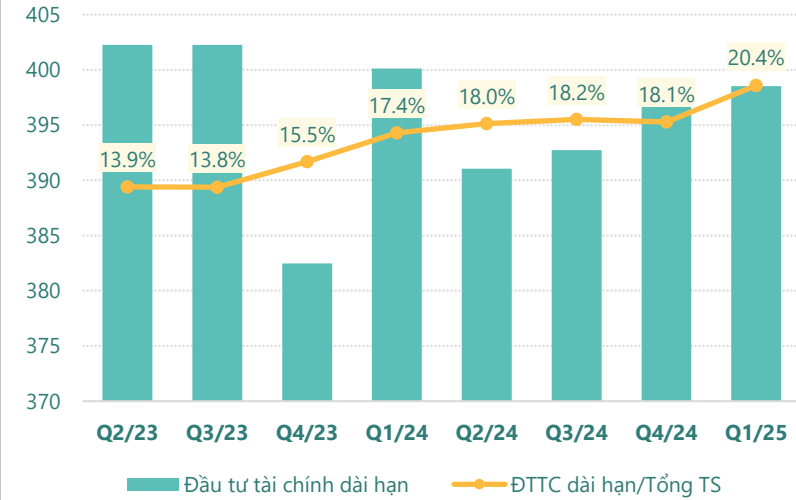
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

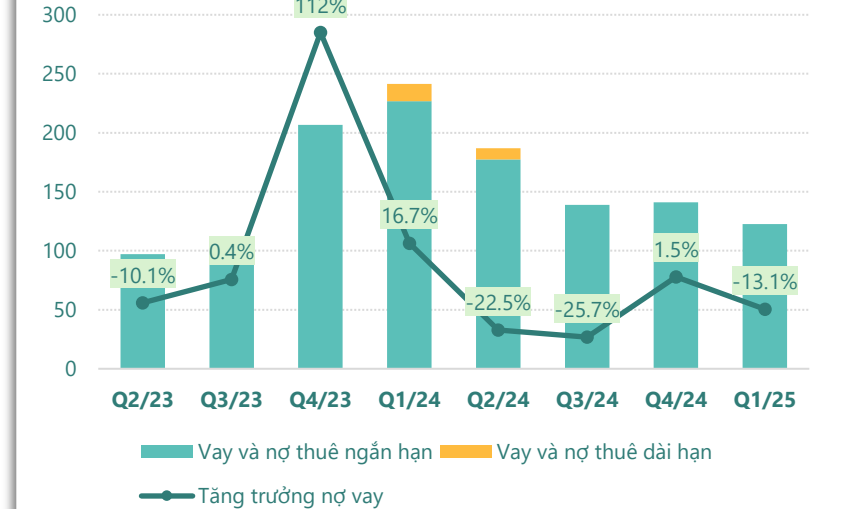
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

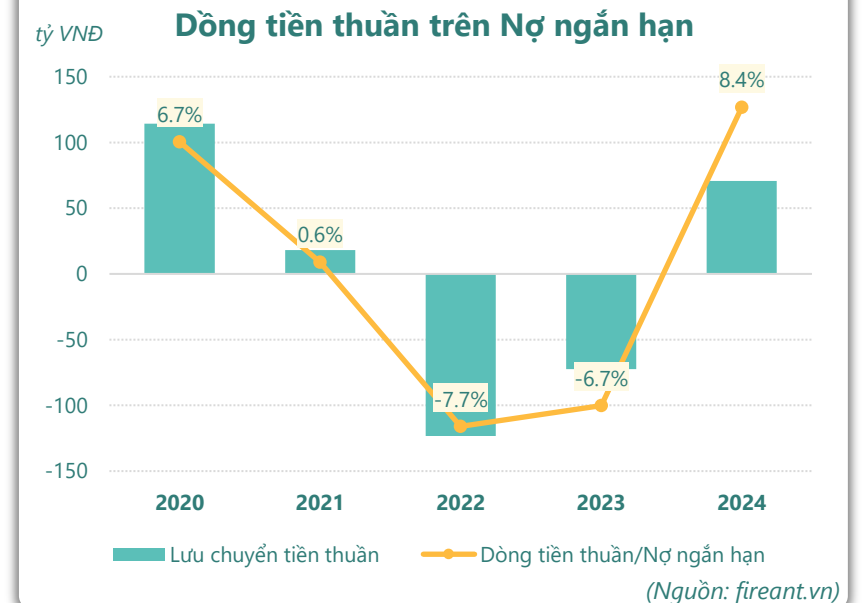
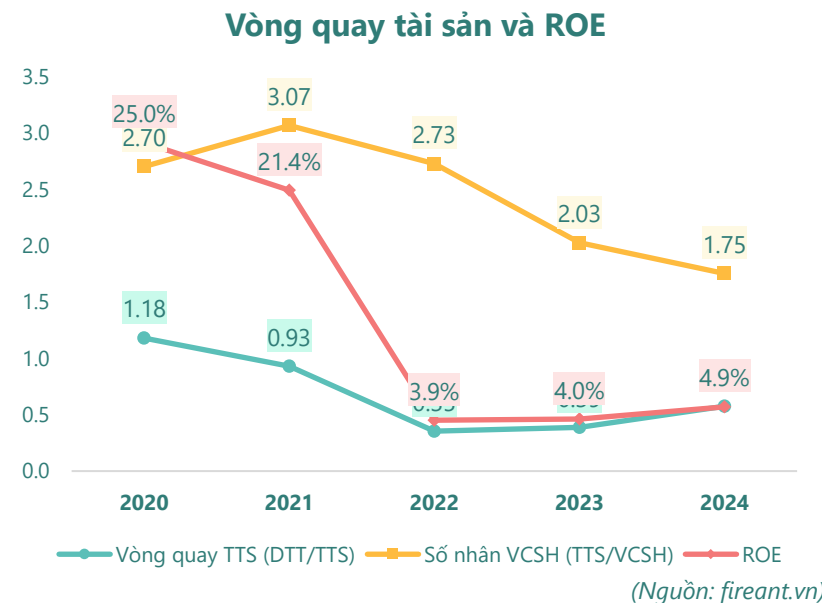
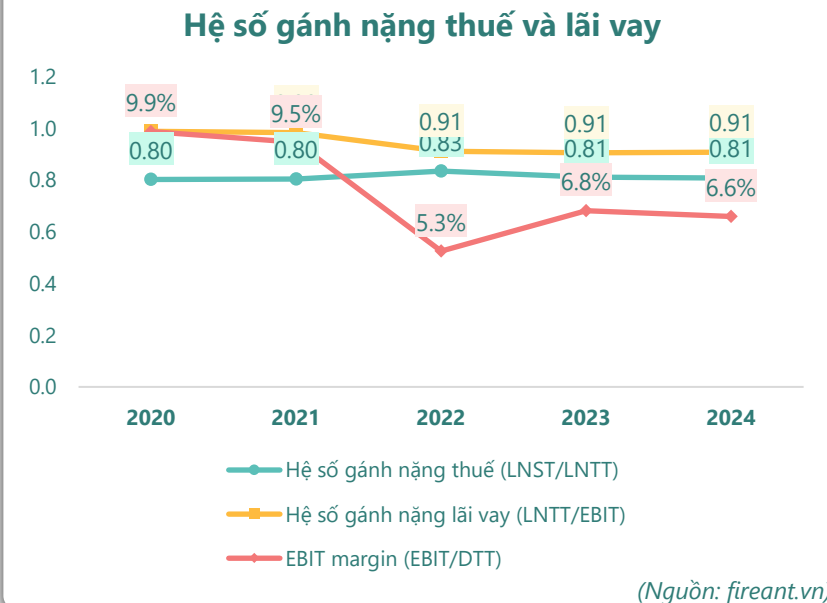
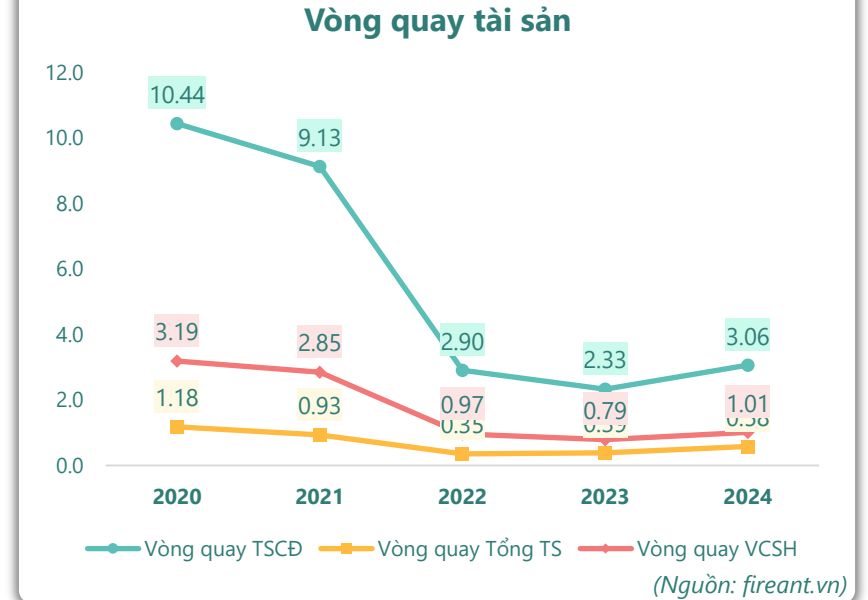
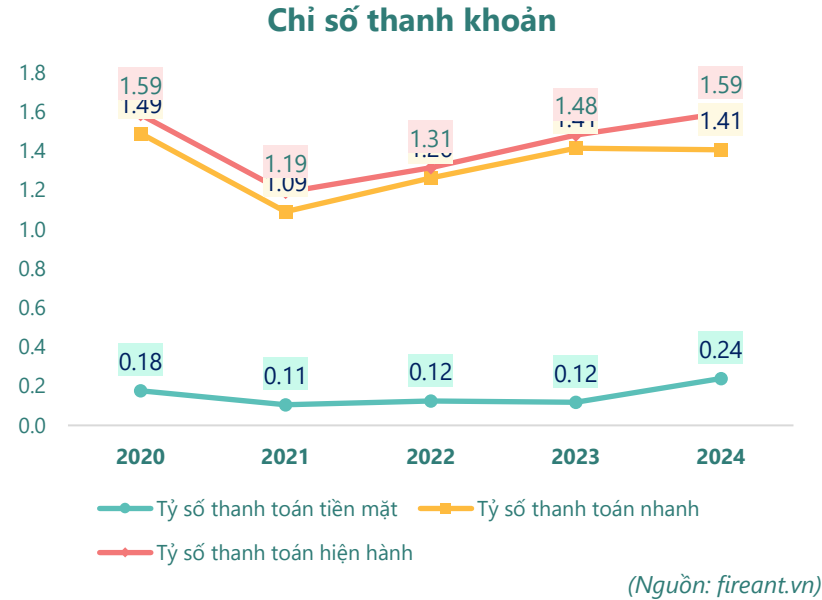
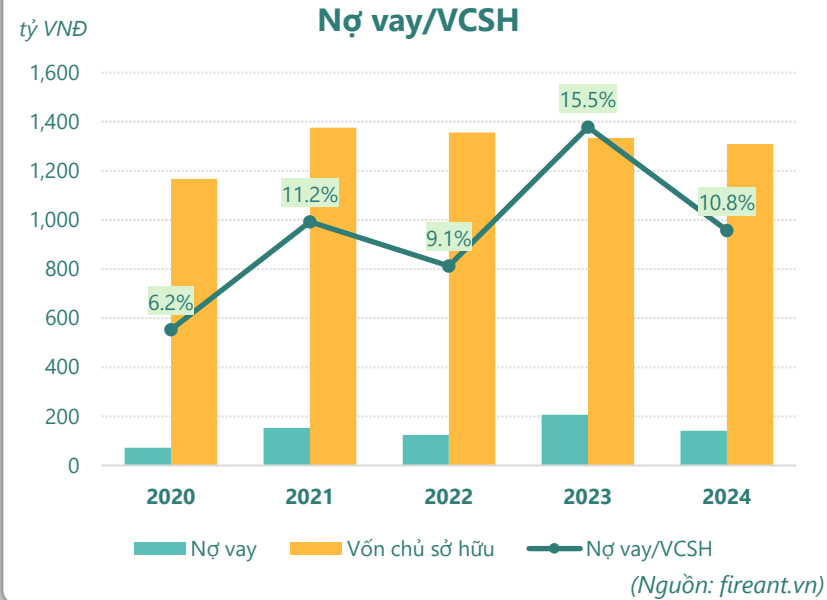
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	300	238	26.0%	1,336	1,061	25.9%
Giá vốn hàng bán	257	203	26.7%	1,144	852	34.3%
Lợi nhuận gộp	42.8	35.3	21.2%	192	209	-8.2%
Doanh thu HĐTC	2.77	5.63	-50.7%	19.7	26.3	-24.9%
Chi phí TC	2.03	2.38	-14.8%	15.7	33.1	-52.5%
Chi phí lãi vay	1.55	2.37	-34.4%	8.06	6.83	18.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.37	1.07	27.7%	5.52	1.73	219%
Chi phí QLDN	23.8	23.8	0.2%	112	137	-17.7%
LN thuần từ HĐKD	18.3	13.7	33.7%	78.1	64.0	22.0%
Lợi nhuận khác	-0.35	0.07	-603%	1.92	1.47	30.9%
LN trước thuế	18.0	13.8	30.1%	80.0	65.5	22.2%
Lợi nhuận sau thuế	14.5	11.4	27.2%	64.7	53.1	21.7%
LNST của CĐ cty mẹ	14.5	11.4	27.2%	64.7	53.1	21.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-104	10.5	-80.3	34.3	229	-84.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-88.4	56.1	37.3	-4.14	-78.2	67.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	111	34.6	-54.4	-48.1	-65.6	-18.6
Tiền đầu kỳ	209	127	229	133	114	200
Lưu chuyển tiền thuần	-81.9	101	-97.4	-17.9	84.7	-35.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.86	0.87	-1.33	1.60	0.12
Tiền cuối kỳ	127	229	133	114	200	165

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,951	2,173	-10.2%
Tài sản ngắn hạn	1,123	1,332	-15.7%
Tiền và tương đương tiền	165	200	-17.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.5	103	-64.6%
Phải thu ngắn hạn	789	839	-6.0%
Hàng tồn kho	108	156	-31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	25.0	33.2	-24.6%
Tài sản dài hạn	828	841	-1.5%
Phải thu dài hạn	2.17	2.30	-5.5%
Tài sản cố định	417	428	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.08	5.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	399	399	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.64	6.61	-14.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	628	863	-27.3%
Nợ ngắn hạn	600	836	-28.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	141	-13.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	194	363	-46.5%
Nợ dài hạn	27.9	27.3	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,324	1,309	1.1%
Vốn chủ sở hữu	1,323	1,309	1.1%
Vốn điều lệ	675	675	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

